TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – H. Phúc

Bản án số: 395/2018/HS-ST
Ngày: 30-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Liên

3. Ông Phạm Đức Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh. – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 485/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4233/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị H., sinh ngày 25/6/1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phú S. (chết) và bà Tào Thị S2. (chết);hoàn cảnh gia đình: có chồng (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 01 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ Ch." (Bản án số 114/2016/HSST)

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2015 (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Người bị hại:

Bà Phan Thị Thu Th., sinh năm 1970

Thường trú: Số X3, đường Y3, phường Z3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số X4, đường Y4, phường Z4, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Kim L., sinh năm 1966.

Thường trú: Số X5, đường Y5, phường Z5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số X6, đường Y6, phường Z6, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Phúc V., sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị Nh., sinh năm 1973

Cùng thường trú tại: Số X7, đường Y7, phường Z7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bào chữa:

Ông Nguyễn Minh Luận, luật sư của Công ty Luật TNHH Sài Gòn Công Lý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Thị H. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

Ông Trịnh Bá Thân, luật sư của Văn phòng luật sư Trịnh Bá Thân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho người bị hại Phan Thị Thu Th. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh do ông Trương Công Ch. và Trần Thị H. đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70125139564 ngày 30/10/2002. Ngày 24/7/2014, ông Ch. và H. bán nhà, đất trên cho bà Trương Thị Kim A. và ngày 30/7/2014 bà A. được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất trên. Sau đó, ngày 01/8/2014 bà A. cho Trần Thị H. thuê lại nhà này để ở thời hạn đến 31/7/2015.

Mặc dù, nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp không còn thuộc sở hữu của H. và ông Ch. nhưng với mục đích lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của

người khác, H. thuê Trang Mỹ Đ. làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với đất trên, đứng tên chủ sở hữu là Trương Công Ch. và Trần Thị H..

Khoảng tháng 10/2014, thông qua sự môi giới của bà Trương Kim L., bà Phan Thị Thu Th. đồng ý mua nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp với giá 1.800.000.000 đồng. Ngày 17/10/2014, tại nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp, bà Th. và H. lập hợp đồng viết tay mua bán nhà trên có sự chứng kiến của bà L. Sau đó, bà Th. đã đặt cọc 650.000.000 đồng cho H. và H. đưa cho bà Th. giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đồng thời hẹn sau 30 ngày H. sẽ cùng ông Ch. tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, đất trên cho Th.. Đến hẹn, bà Th. không liên lạc được với H. nên tới Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Gò Vấp để xác minh thì được biết nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp đã được H. bán cho bà Trương Thị Kim A. Ngày 08/01/2015, bà Th. làm đơn tố cáo Trần Thị H. đến cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị H. không thừa nhận việc bán nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp cho bà Th. mà khai: Vào năm 2013, H. vay bà Th. 650.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở số A, đường B. Sau đó, H. bán nhà này cho ông Nguyễn Phúc V. nên cần lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục mua bán. Ngày 17/10/2014, H. lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở giả của căn nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp giao cho và Th. đồng thời lập hợp đồng mua bán căn nhà này để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở số A, đường B. Tuy nhiên, H. không chứng minh được việc bà Th. cho H. vay tiền, số tiền chiếm đoạt của bà Th., H. đã sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 395/KLGĐ-TT ngày 27/3/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất căn nhà số A, đường B được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận giám định số 667/LKGĐ-TT ngày 02/6/2015 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vân tay dưới mục bên bán lần lượt trùng giống với vân tay ngón trỏ trái và trỏ phải của Trần Thị H.….Chữ viết, chữ ký tên Trần Thị H. dưới mục bên bán so với chữ viết, chữ ký của Trần Thị H. dùng làm mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra.

Tại Bản cáo trạng số 329/CT-VKS-P2, ngày 09 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thị H. về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngày 06/01/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt bị cáo Trần Thị H. 11 (mười một) năm tù về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" (Bản án số 09/2017/HSST). Sau đó, bị cáo H. làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 26/9/2017,

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án trên ra xét xử phúc thẩm và tuyên hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra bổ sung một số vấn đề theo nội dung của bản án hình sự phúc thẩm số 501/2017/HS-PT ngày 26/9/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Trần Thị H. từ 10 đến 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt từ 01 đến 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo H. từ 11 đến 14 năm tù.

Và đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp với hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án số 114/2016/HSST ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Trần Thị H. chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Luật sư Nguyễn Minh Luận trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Thị H.:

Bị cáo H. đã có hành vi thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở căn nhà số A, đường B, Gò Vấp. Tuy nhiên, bị cáo vay mượn nợ trả lãi cao do không còn khả năng trả nợ bị cáo đã có những hành vi gian dối "tình ngay lý gian" do sức ép của chủ nợ nên bị cáo mới phải thực hiện, thực sự bị cáo có chiếm đoạt tiền hay không xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Luật sư cũng nêu các tình tiết giảm nhẹ như gia đình bị cáo có cố gắng khắc phục một phần hậu quả, mong Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo.

Luật sư Trịnh Bá Thân trình bày quan điểm bảo vệ cho người bị hại bà Phan Thị Thu Th.:

Căn cú vào chữ viết và xác nhận của bị cáo tại mặt sau của bản hợp đồng mua bán đã thể hiện ý thức tự nguyện của bị cáo mà không có sự ép buộc nào. Bị cáo đã ký bán nhà không còn thuộc quyền sở hữu của mình là đã có ý thức gian dối. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay qua xét hỏi bị cáo khai nhận tháng 9/2013 bị cáo có nhờ một người tên Trang Mỹ Đ. làm giả giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70125139564 ngày 30/10/2002 đối với căn nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp. Bị cáo không thừa nhận việc bán nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp cho bà Th. mà cho đó là quan hệ vay mượn nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận chữ viết và dấu vân tay đằng sau hợp đồng mua bán nhà giữa bị cáo và bà Th. là do bị cáo tự viết mà không có ai ép buộc. Bị cáo thừa nhận căn nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp bị cáo đã bán cho bà A. từ tháng 7/2014 nay lại tiếp tục làm hợp đồng mua bán nhà trên cho bà Th. là có thủ đoạn gian dối.

Xét thấy, ngày 06/01/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt bị cáo Trần Thị H. 11 (mười một) năm tù về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" (Bản án số 09/2017/HSST). Sau đó, bị cáo H. làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án trên ra xét xử phúc thẩm và tuyên hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra bổ sung một số vấn đề theo nội dung của bản án hình sự phúc thẩm số 501/2017/HS-PT ngày 26/9/2017.

Ngày 06/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định trả hồ sơ điều tra lại theo những nội dung đã nêu tại bản án hình sự phúc thẩm. Quá trình điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu được kết quả như sau: Lời khai của ông Nguyễn Phúc V. và bà Trịnh Thị Nh. ngày 06/8/2013, H. bán căn nhà số X7, đường Y7, phường Z7, Quận Gò Vấp cho vợ chồng ông bà với giá 1.500.000.000 đồng, H. đã nhận trước số tiền đặt cọc là 1.065.000.00 đồng, H. cho ông V. và bà Nh. biết do nhà số X7, đường Y7, phường Z7 chưa làm thủ tục hoàn công vì vậy chưa làm thủ tục công chứng chuyển nhượng nhà, do đó, H. sẽ giao nhà số X7, đường Y7, phường Z7 cho ông V., bà Nh. quản lý và H. sẽ giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà số X7, đường Y7, phường Z7 để tiếp tục hoàn tất thủ tục hoàn công. Ngày 29/11/2013, do cần tiền trả nợ H. sử dụng giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của căn nhà số A, đường B (giấy giả) để thế chấp cho ông V., bà Nh. đề vay số tiền 300.000.000 đồng, hẹn 20 ngày sau sẽ trả tiền và làm thủ tục chuyển nhượng tại văn phòng công chứng. Do H. không trả tiền và làm thủ tục chuyển nhượng nhà số X7, đường Y7, phường Z7 theo đúng hẹn, ngày 15/10/2014, ông V. và bà Nh. thuê Văn phòng thừa phát lại Quận 1 đến nhà H. lập vi bằng về việc thông báo H. phải làm thủ tục chuyển nhượng nhà số X7, đường Y7, phường Z7 như cam kết. Ngày 21/10/2014, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị T. gồm có: vợ chồng ông Ngô Đình S., bà Nguyễn Thị Bích H2. (người đứng tên chủ sở hữu nhà số X7, đường Y7, phường Z7), Trần Thị H., vợ chồng ông V., bà Nh., bà L. Tại đây, ông S., bà H2. làm giấy hủy ủy quyền với Trần Thị H. rồi làm hợp đồng ủy quyền cho ông V., bà Nh. được toàn quyền quyết định đối với nhà số X7, đường Y7, phường Z7. Sau khi làm thủ tục ủy quyền xong, H. đưa cho bà Nh. giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà số X7, đường Y7, phường Z7, bà Nh. giao trả cho H. giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà số A, đường B và số tiền 130.000.000 đồng. Bà L. không thấy quá trình trao trả 02 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở giữa ông V. và H., H. giao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà số A, đường B cho ai thì ông V. và bà Nh. không biết và không có sự việc L. yêu cầu vợ chồng V., Nh. ra công chứng, thỏa thuận tiền hoàn công, tiền làm thủ tục công chứng, các giao dịch mua bán nhà số A, đường B. Ông V. và bà Nh. đều giao dịch và thỏa thuận với H.. Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra, ông V. và bà Nh. cho biết quá trình công chứng không có mặt của bà Th. như lời khai tại Tòa phúc thẩm.

Lời khai của bà Trương Kim L.: Bà L. và bị cáo H. đều quen biết với bà Nguyễn Thị Bích H2. Ngày 21/10/2014, bà L. có mặt tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị T. để giao dịch với khách hàng tại đây bà L. tình cờ gặp Trần Thị H. đi cùng bà H2., ông S. (chồng bà H2.) và hai người khách (01 nam, 01 nữ) bà L. có gặp và nói chuyện xã giao với H., bà H2. khoảng 2- 3 phút thì tiếp tục giao dịch với khách. L. hoàn toàn không chứng kiến và không biết quá trình giao dịch của H., H. và 02 người khách.

Lời khai của bà Phan Thị Thu Th. vẫn giữ nguyên các lời khai trước đây đã cung cấp cho cơ quan điều tra.

Xác minh tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị T.: Ông Ngô Đình S. là người nộp hồ sơ yêu cầu văn phòng công chứng Nguyễn Thị T. yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch liên quan nhà số X7, đường Y7.

Xác minh tại Công an Phường Z7, quận Gò Vấp: Ông Ngô Đình S., bà Nguyễn Thị Bích H2. hiện không cư ngụ tại nhà số A3, đường B3, phường C3, quận Gò Vấp.

Việc có sửa chữa tại hợp đồng mua bán nhà số A, đường B, bà L. và bà Th. khai ngày 17/10/2014 hai bà đến nhà số A gặp H. để ký hợp đồng đặt cọc mua nhà số A, đường B. Tại dây, H. đưa giấy Hợp đồng mua bán nhà đánh máy để

trống phần thông tin liên quan, bà Th. yêu cầu H. viết thông tin mua bán nhà vào. H. nại ký do đang ẵm cháu nhỏ nên nhờ bà L. (người làm chứng) viết hộ theo lời đọc của H., bà L. đồng ý. H. đọc thông tin ngày bán là ngày 21, bà L. ghi theo nội dung đọc của bà H.. Sau khi ghi, bà L. và bà Th. phát hiện H. đọc sai thông tin nên yêu cầu đổi Hợp đồng khác thì H. cho biết hết mẫu giấy, bà L. cứ sửa viết lại ngày khi ký xác nhận H. sẽ ghi cụ thể ngày ký và nhận tiền vì vậy bà Th. và L. đồng ý.

Với kết quả điều tra như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trần Thị H. khai nhận hợp đồng mua bán nhà số A, đường B với bà Phan Thị Thu Th. chỉ là hợp đồng giả cách để che giấu quan hệ vay, mượn tiền thực sự của các bên và việc vào ngày 21/10/2014, Phan Thị Thu Th. và Trương Kim L. là người mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất ở nhà số X7, đường Y7 để đổi lấy giấy chứng nhận quyền sử đụng đất và quyền sử dụng đất ở nhà số A, đường B cho ông Nguyễn Phúc V. và bà Trịnh Thị Nh. là không có căn cứ chứng minh.

Bị cáo H. đã dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà số A, đường B, phường C, quận Gò Vấp không thuộc sở hữu của H., sau đó ngày 17/10/2014 ký hợp đồng bán nhà trên cho bà Phan Thị Thu Th. chiếm đoạt 650.000.000 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên của bị cáo xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước mà còn xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Căn cứ vào giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 650.000.000 đồng cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo H. với mức hình phạt tương xứng với hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Khi lượng hình cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có khắc phục một phần hậu quả nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt như lời đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Ngoài ra, do bị cáo còn phải chấp hành hình phạt của bản án số

114/2016/HSST ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực pháp luật) nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt tại bản án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại bà Phan Thị Thu Th. yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền 650.000.000 đồng. Xét yêu cầu trên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở giả; hợp đồng mua bán nhà số A, đường B, quận Gò Vấp là vật chứng vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần lưu tại hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị H.** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H. 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù của Bản án số 114/2016/HSST ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 (mười một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2015.

Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Phan Thị Thu Th. số tiền 650.000.000 đồng.

+ Tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bà Phan Thị Thu Th..

(Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/9/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc Nhà Nước quận 10).

Kể từ ngày người bị hại có đơn cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QLNVLQ; (1)
- Người làm chứng; (2)
- Luật sư; (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Việt Tiên